

TRƯỜNG NGHĨA BỘ PHẬN CỦA THỰC VẬT VÀO MÙA XUÂN TRONG *TỔNG TẬP VĂN HỌC NÔM VIỆT NAM*

SEMANTIC FIELD OF VEGETATIVE PARTS OF SPRING FLOWERS

IN *TONG TAP VAN HOC NOM VIET NAM*

HÀ THỊ MAI THANH

(ThS; Đại học Tây Bắc)

Abstract: Lexical-semantic field is known as a hierarchical concept which means a field can be divided into several subfields. This article will discuss the semantic field of vegetative parts and its symbolic values of spring flowers in *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam*. This article also helps appreciate the beauty of sceneries in Chinese transcribed Vietnamese poems and provide better understanding of Middle-Age world of poems that have been recognized as full of rules and conventions.

Keywords: semantic field; vegetative parts; *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam*.

1. Mở đầu

Trường từ vựng - ngữ nghĩa và hệ thống nội bộ của đơn vị có quan hệ mật thiết với nhau. Theo đó, nếu nắm được quan hệ và giá trị của đơn vị trong nội bộ hệ thống sẽ định được hướng xác lập trường; ngược lại, xây dựng được trường lại có thể phát hiện ra những giá trị và quan hệ trong từng đơn vị mà sự nghiên cứu cô lập hóa chúng không thấy được. Khuynh hướng nghiên cứu trường từ vựng - ngữ nghĩa được khẳng định là một hướng đi ưu việt của ngôn ngữ miêu tả-cấu trúc. Việc dùng lí thuyết trường nghĩa để tiếp cận một tác giả hay một tác phẩm văn học không phải là một điều mới mẻ. Tuy nhiên, lí thuyết trường nghĩa vẫn chưa chạm tới một giai đoạn văn học cùng lực lượng sáng tác đại diện cho hệ tư tưởng giai cấp.

Tổng tập văn học Nôm Việt Nam là công trình hội tụ những tác gia và tác phẩm tiêu biểu nhất của thơ Nôm Đường luật thế kỉ XV-XVII. Đây là giai đoạn phát triển đầu tiên của thơ Nôm Đường luật với thành tựu rực rỡ ở thế kỉ XV, thành tựu lớn trong thế kỉ XVI, kém phát triển hơn trong thế kỉ XVII.

Bài viết này sẽ đi vào xem xét trường nghĩa *bộ phận của thực vật* vào mùa Xuân trong *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam* nhằm bước đầu thấy được sự phong nhiêu của thế giới thực vật được phản chiếu trong thơ Nôm, và qua đó, giúp chúng ta tiệm cận hơn với thế giới thơ trung đại vốn được xem là đầy quy phạm và ước lệ.

2. Mô tả trường nghĩa bộ phận của thực vật vào mùa Xuân trong *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam*

2.1. Kết quả khảo sát thống kê

Trường nghĩa *bộ phận của thực vật* vào mùa Xuân xuất hiện trong 99 bài *thơ* với tần số 90 lần trong *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam Tập 1, 2* (Viện nghiên cứu Hán Nôm, Nxb Khoa học xã hội, 2008). Dựa vào *tác dụng, chức năng* của các loài thực vật vào mùa xuân, chúng tôi đưa về từng nhóm cây như sau: cây cảnh (*mai, trúc, liễu*); cây lấy hoa (*mai, lan, đào, quỳnh, thủy tiên, mẫu đơn*); cây ăn trái (*khế, chuối*), cây nông nghiệp (*mía*); cây thân cỏ (*cỏ*) và *cây nói chung*.

Dưới đây là bảng khảo sát trường nghĩa *bộ phận của thực vật* vào mùa Xuân trong *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam*.

Nhóm Bộ phận	Cây cảnh	Cây lấy hoa	Cây ăn trái	Cây nông nghiệp	Cây thân cỏ	Cây nói chung	Tần số (lần)	Tỉ lệ (%)
Hoa	7	13	0	0	5	37	62	69
Chồi	3	4	0	0	0	1	8	8.9
Cành	1	3	0	0	0	1	5	5.6
Lá	2	1	2	1	0	2	8	8.9
Thân	1	0	1	0	0	0	2	2.2
Gốc	1	1	0	0	0	0	2	2.2
Buồng	0	0	1	0	0	0	1	1.1
Đốt	0	0	0	1	0	0	1	1.1
Quả	0	0	0	0	0	1	1	1.1
Tổng							90	100

2.2. Phân tích, đánh giá kết quả khảo sát thống kê

Trường nghĩa *bộ phận của thực vật* vào mùa xuân trong *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam* có tần số xuất hiện 90 lần. Trong đó, bộ phận *hoa* có tần số cao nhất (62 lần, chiếm 69%). Tiếp tới là *chồi* và *lá* (8 lần, chiếm 8.9%). Các bộ phận có tần số xuất hiện thấp nhất là *buồng*, *đốt*, *quả* (1 lần, chiếm 1.1%).

2.2.1. Trường nghĩa "bộ phận của thực vật" ở nhóm "cây cảnh" vào mùa xuân

Kết quả thống kê:

STT	Đơn vị ngôn ngữ	Tần số (lần)	Tỉ lệ (%)
1	Hoa	3	20
2	Mai hoa	3	20
3	Hoa trúc	1	6.7
4	Chồi	1	6.7
5	Chồi liễu	1	6.7
6	Chồi mai	1	6.7
7	Cành	1	6.7
8	Lá	1	6.7
9	Mây liễu	1	6.7
10	Thân	1	6.7
11	Gốc mai	1	6.7
Tổng		15	100

Có thể nhận thấy, tần số xuất hiện các đơn vị ngôn ngữ trong trường nghĩa chỉ *bộ phận của thực vật* ở nhóm *cây cảnh* khá cao (15 lần). Dường như trong tâm lí người Việt, các bộ phận của thực vật ở nhóm cây này thường được tri nhận như những thực thể

độc lập. Nếu như trên thực tế, các bộ phận của thực vật (*hoa*, *chồi*, *cành*, *thân*, *lá*, *gốc*) chỉ là những thành tố làm nên cơ thể thực vật thì khi được phóng chiếu vào những thi phẩm Nôm Đường luật thì chúng thể hiện một bộ phận cơ bản của thế giới loài người: đó là hình ảnh những người phụ nữ (*hoa*, *chồi liễu*, *mây liễu*) hay khí tiết của bậc quân tử (*mai hoa*).

2.2.2. Trường nghĩa "bộ phận của thực vật" ở nhóm "cây lấy hoa" vào mùa xuân

Kết quả thống kê:

STT	Đơn vị ngôn ngữ	Tần số (lần)	Tỉ lệ (%)
1	Hoa	6	27.4
2	Hoa mai	3	13.7
3	Hoa đào	1	4.5
4	Quỳnh ba (Hoa quỳnh)	1	4.5
5	Nhị	2	9.2
6	Chồi	2	9.2
7	Chồi mai	2	9.2
8	Cành	2	9.2
9	Quỳnh chi (cành quỳnh)	1	4.5
10	Lá	1	4.5
11	Gốc mai	1	4.5
Tổng		22	100

Các đơn vị ngôn ngữ chỉ bộ phận thực vật trong nhóm cây này không có sự chênh lệch lớn về tần số xuất hiện. Những bộ phận có tần số thấp nhất là *lá* và *gốc* chỉ với 1 lần

xuất hiện (4.5%). *Hoa* là bộ phận xuất hiện nhiều nhất (14/22, 59.3%), sở dĩ vậy vì *hoa* là bộ phận đẹp nhất, đáng chú ý nhất của cây. Đặc biệt, người Việt thường quy chiếu hình ảnh *hoa* tới người phụ nữ có dung nhan đẹp.

2.2.3. Trường nghĩa "bộ phận của thực vật" ở nhóm "cây ăn trái" vào mùa xuân

Kết quả thống kê:

STT	Đơn vị ngôn ngữ	Tần số (lần)	Tỉ lệ (%)
1	Buồng	1	25
2	Lá	1	25
3	Tình thư	1	25
4	Dọc	1	25
Tổng		4	100

Có thể nhận thấy sự tương đương nhau về tần số xuất hiện của các đơn vị ngôn ngữ trong tiểu trường này. Các bộ phận của cây *chuối* được phản ánh trong thơ Nôm Đường luật đều rất gần gũi với đời sống con người, được con người quan sát, tri nhận một cách đầy đủ (với *buồng chuối*, *lá chuối*, *nón lá* và *dọc lá*), do đó, để lại những dấu ấn tâm lí - văn hóa rõ rệt trong đời sống tinh thần của con người thời trung đại. Trường nghĩa này có khả năng quy chiếu tới phạm trù xã hội mà cụ thể là giao tiếp ứng xử xã hội.

2.2.4. Trường nghĩa "bộ phận của thực vật" ở nhóm "cây nông nghiệp" vào mùa xuân

Kết quả thống kê:

STT	Đơn vị ngôn ngữ	Tần số (lần)	Tỉ lệ (%)
1	Đốt	1	50
2	Áo (Bẹ lá)	1	50
Tổng		2	100

Trường nghĩa này chỉ gồm hai đơn vị ngôn ngữ (*đốt*, *áo*) với tần số xuất hiện tương đương nhau (1/2, chiếm 50%). Đây là hai bộ phận cơ bản nhất của cây *mía* nên khi phản ánh vào thơ Nôm Đường luật, chúng được nhắc tới như một sự mô tả về một loài cây hết sức gần gũi và quen thuộc.

2.2.5. Trường nghĩa "bộ phận của thực vật" ở nhóm "cây thân cỏ" vào mùa Xuân

Kết quả thống kê:

STT	Đơn vị ngôn ngữ	Tần số (lần)	Tỉ lệ (%)
1	Cỏ hoa	2	40
2	Hoa thảo	2	40
3	Hoa cỏ	1	20
Tổng		5	100

Trong trường nghĩa này, bộ phận duy nhất của *cỏ* được đề cập tới là *hoa* (5/5, chiếm 100%). Sở dĩ vậy vì *cỏ* vốn là loài cây bé nhỏ mà *hoa* chỉ là một phận của nó nên sự nhỏ nhoi, yếu đuối càng được thể hiện rõ hơn. Trường nghĩa này có thể chuyển di tới phạm trù thân phận con người mà đặc biệt là số phận những người phụ nữ hồng nhan bạc mệnh.

2.2.6. Trường nghĩa "bộ phận của thực vật" ở nhóm "cây nói chung" vào mùa xuân

Kết quả thống kê:

STT	Đơn vị ngôn ngữ	Tần số (lần)	Tỉ lệ (%)
1	Hoa	37	88
2	Lá	2	4.8
3	Chồi	1	2.4
4	Cành	1	2.4
5	Quả	1	2.4
Tổng		42	100

Có thể nhận thấy sự chênh lệch rất lớn về tần số xuất hiện của các đơn vị ngôn ngữ trong trường nghĩa này. *Hoa* là đơn vị ngôn ngữ được phản ánh vào thơ Nôm Đường luật với tần số cao nhất (37/42, 88%). Đây là bộ phận đẹp nhất, đáng lưu tâm nhất trong nhãn quan của con người, do đó, nó để lại những dấu ấn tâm lí-văn hóa rõ rệt trong đời sống tinh thần người Việt. Theo đó, khi đi vào thơ Nôm, *hoa* có thể chuyển di sang phạm trù giao tiếp ứng xử xã hội và đặc biệt là vẻ đẹp của người phụ nữ. Xuất hiện với tần số thấp nhất là *chồi*, *cành* và *quả* (1/42, 2.4%). Tuy có tần số thấp như vậy nhưng các bộ phận này vẫn có khả năng chuyển di sang các

phạm trù khác như hệ tư tưởng xã hội và giao tiếp ứng xử xã hội.

3. Giá trị biểu trưng của trường nghĩa bộ phận của thực vật vào mùa Xuân trong Tổng tập văn học Nôm Việt Nam

Để chỉ ra giá trị biểu trưng của trường nghĩa bộ phận của thực vật, chúng tôi dựa vào các cơ sở sau đây:

Trước hết là cơ sở ngôn ngữ học. Chúng tôi chủ yếu đi vào phân tích ngữ cảnh tu từ, trong đó, chú trọng các kiểu quan hệ (cấu trúc) trên trục ngữ đoạn (trên một dòng thơ) và trên trục tuyến tính (các câu thơ trước và sau dòng thơ chứa đơn vị ngôn ngữ đang xét) như quan hệ tương đồng và quan hệ đối lập. Quan hệ tương đồng chỉ ra sự tương đồng giữa đơn vị ngôn ngữ gọi tên thực vật với các yếu tố khác trong một dòng thơ hay một khổ thơ; còn quan hệ đối lập chỉ ra sự tương phản, đối lập giữa đơn vị ngôn ngữ đang xét với các yếu tố khác.

Thứ hai là cơ sở văn hóa học. Ở thời trung đại, con người có những đặc trưng văn hóa riêng biệt và đặc thù. Từ việc chỉ ra những đặc trưng này, những ý nghĩa biểu trưng của các yếu tố đang xét sẽ được phát lộ rõ rệt hơn.

Ở đây, chúng tôi không đi sâu phân tích tất cả những ý nghĩa biểu trưng hiện tồn trong trường nghĩa bộ phận của thực vật ở các loài thực vật xuất hiện vào mùa xuân, mà chỉ tìm hiểu một số nghĩa biểu trưng tiêu biểu của trường nghĩa này qua một số loài thực vật như: mai, đào, cỏ. Đây là các loài thực vật chiếm tần số xuất hiện cao và ẩn chứa những tầng nghĩa biểu trưng phong phú nhất. Qua việc tìm hiểu giá trị biểu trưng của trường nghĩa bộ phận của thực vật, chúng tôi hi vọng sẽ bước đầu khai mở những đặc trưng văn hóa và tư duy của con người trung đại trong sự tri nhận về thế giới thực vật.

(i) Mai

Trong thơ ca cổ điển phương Đông, mai là loài cây có một vị trí vô cùng đặc biệt. Ngự sử Mai, trượng phu Tùng và quân tử

Trúc hợp thành Tam ích hữu (ba người bạn có ích). Khái niệm này xuất phát từ thiên "Quý thị" trong sách Luận ngữ. Sách Nguyệt lệnh quảng nghĩa còn gọi bộ ba tùng - trúc - mai là Đông thiên tam hữu, Tuế hàn tam hữu hay Đông Xuân tam hữu. So với nhiều loài hoa khác, mai là loài anh hoa phát tiết rất sớm, ngay từ tiết lập xuân còn nhiều giá lạnh. Do đó, cổ nhân đã phong tặng mai danh hiệu Bách hoa khô - ví như người đỗ đầu khoa thi, người con trai ưu tú nhất hay người con gái xinh đẹp nhất.

Giữa trăm hoa khoe sắc trong mùa xuân, mai là loài hoa duy nhất chiếm được băng xuân bởi cốt cách thanh sạch và cao khiết. Hơn nữa, hình dáng của thân cây mai thường có nét thẳng đứng, vút dài, ít chịu chi ngang. Từ đặc điểm hình dáng đó của mai, thi nhân xưa đã gán cho loài cây này giá trị thuộc phẩm chất của con người: khí tiết của bậc quân tử. Đã có rất nhiều văn thơ Nôm được chuyển hóa theo hướng nghĩa biểu trưng này: Ai dấy mai hoa thanh hết tác [Nguyễn Trãi, 9, tr. 92], Tiết cứng trượng phu chừng ấy bạn [Hồng Đức quốc âm thi tập, 9, tr. 496], Lặng đưa hương một nguyệt hay [Nguyễn Trãi, 9, tr. 273], Xuân thêm cốt cách hương thêm bội [Hồng Đức quốc âm thi tập, 9, tr. 497],...

Các nhà Nho thi nhân khi tìm về với thiên nhiên thì mai trở thành một người bạn tâm tình, tương giao đầy hòa điệu:

Lọ chi tiên Bụt nhọc tìm phương
Được thú an nhàn ngày tháng trường
Song có hoa mai địa có nguyệt
Ấn còn phiến sách triện còn hương

[Nguyễn Trãi, 9, tr. 129]

Hoa mai hiện lên trong nhãn quan thi nhân với sự tương phùng đặc biệt của ánh trăng (địa có nguyệt). Hòa cùng thiên nhiên, nhà thơ đã tự tìm được thú an nhàn ngày tháng trường. Theo đó, mai còn mang ý nghĩa biểu trưng chỉ sự thanh nhàn. Mặc dù tìm tới sự nhàn nhưng Nguyễn Trãi nhàn thân mà không nhàn tâm. Tác gia hướng về

thiên nhiên với tình yêu sâu sắc, luôn khai mở mọi giác quan để đón đợi những rung động từ thế giới thực vật và đã đưa chúng vào những áng thơ Nôm đầy xúc cảm. Cũng thể hiện hướng nghĩa này, Nguyễn Trãi còn có rất nhiều các câu thơ hay: *Hiên mai cầm chén hời trắng* [9, tr. 64], *Mai rụng hoa đeo bóng cách song* [9, tr. 97], *Song mai hoa điểm quyển Hy kinh* [9, tr. 154], *Sách ngâm song có mai và điểm* [9, tr. 206],...

Với đặc điểm về hình dáng mảnh mai, loài cây thanh quý này còn đi vào thơ Nôm với ý nghĩa biểu trưng chỉ *hình ảnh của người phụ nữ*:

*Tuy gốc mai già sương chẳng quản
Thương chồi liễu yếu nắng bao đành
Thành Hồ lạnh lẽo con muôn dặm
Trời Hán bơ vơ mẹ một mình*

[Các tác giả thời Hồng Đức, 9, tr. 597]

Từ *gốc* vốn mang nghĩa *đoạn dưới của thân cây ở sát đất* [5, tr. 530]. Như vậy, *gốc mai* là bộ phận dưới cùng của thân cây mai, có vai trò nâng đỡ và là nơi trung chuyển nguồn sống tới các bộ phận khác của cây. Trong ngữ cảnh này, *gốc mai* kết hợp với tính từ *già* cụm từ *sương chẳng quản*; bên cạnh đó, nó còn có sự tương thích với *trời Hán* (nước Hán) và *mẹ một mình*. Do đó, *gốc mai* có sự quy chiếu tới hình ảnh người mẹ Vương Tường. Trong bài viết *Vai trò của tính cách dân tộc trong tiến trình phát triển ở Hàn Quốc (có so sánh với Việt Nam)*, Trần Ngọc Thêm đã có sự so sánh tính cách dân tộc của Việt Nam và Hàn Quốc. Ông nhận thấy một trong những đặc trưng tính cách mà hai dân tộc đồng nhất với nhau là *lối sống trọng tình*. Đặc trưng này xuất phát từ một nguồn gốc chung cho cả hai dân tộc đó là *loại hình kinh tế* [7, tr. 2]. Cả hai dân tộc đều sống chủ yếu bằng nghề nông nghiệp lúa nước. Xét rộng ra, về mặt văn hóa thì trong lịch sử hai dân tộc còn có một điểm chung quan trọng là cùng nằm trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của văn hóa Trung Hoa, nhưng điểm chung này xuất hiện

muộn nhất nên hầu như không ảnh hưởng đến sự hình thành tính cách dân tộc. Trong câu thơ trên, *gốc mai* là một hình ảnh ẩn dụ có giá trị biểu trưng cho hình ảnh người phụ nữ - người mẹ giàu đức hy sinh và tràn đầy tình cảm.

Như vậy, xuất phát từ cốt cách, từ hình dáng của *thân cây mai* (thẳng đứng, vút dài, ít chịu chi ngang) nên trong sự tri nhận của người Việt thời trung đại, *mai* là loài cây ẩn chứa vẻ siêu tục, trầm mặc, không kém phần tao nhã, thanh khiết và bất phàm. Không chỉ thế, loài cây này còn đầy lưỡng tính giữa mộc mạc mà u nhã, giản dị mà thanh cao nên trong sự tương đồng, tương ứng chìm sâu bên trong: chính *mai* là tâm hồn Việt.

(ii) Đào

Trong văn hóa Trung Hoa, *hoa đào* thường dùng để khắc họa vẻ đẹp của người phụ nữ. Còn đối với người Nhật Bản, hoa anh đào tượng trưng cho đời sống của giai cấp chiến binh thị vệ-Samurai. Họ tự ví cuộc đời mình tươi đẹp như đời sống của đóa hoa anh đào. Ở đó, sự sống và sự chết đều có những nét đẹp khác nhau. Người Nhật có câu: *Nếu làm hoa xin làm hoa anh đào, nếu là người, xin làm một Samurai*. Hai thời điểm đẹp nhất trong đời hoa anh đào đó là khi nở rực rỡ dưới ánh nắng mùa xuân và khi lìa cành bay theo gió. Sự can đảm tạo cho các Samurai xem cái chết là một vinh dự như cái đẹp của những cánh anh đào rơi khi đạt tới thời điểm nở toàn mỹ. Trong thi ca Việt, *hoa đào* vốn được xem là cảm hứng vô tận cho các thi nhân. Ngoài màu sắc, dáng vẻ riêng, *hoa đào* còn toát lên sự tinh anh ở những thời điểm, vị trí nhất định: lúc hoa nở cũng như lúc tàn rơi. *Hoa đào* nở rộ vào mùa xuân và có rất nhiều màu sắc khác nhau: màu trắng (*bạch đào*), trắng pha hồng (*bạch hồng đào*), ba màu hồng trên một cành (*đào tam sắc*), hồng đỏ (*bích đào*). Đi vào thơ Nôm Đường luật, hình ảnh *hoa đào* được gắn với nhiều giá trị biểu trưng khác nhau.

Trước tiên, loài hoa này thường mang ý nghĩa biểu trưng *chỉ thời gian*.

*Cửa động chẳng hay là nẻo ấy
Bích đào đã mấy phát đâm hoa*

[Nguyễn Trãi, 9, tr. 165]

Ở đây, hình ảnh *hoa bích đào* xuất hiện qua số lần đâm bông mỗi độ xuân về (*mấy phát đâm hoa* - mấy lần trở hoa). Qua đó, giá trị biểu trưng về thời gian được thể hiện rõ nét qua việc mô tả loài thực vật này. Xét trong ngữ cảnh bài thơ, hình ảnh hoa đào, cửa động gắn với tích *Từ Thúc lấy vợ tiên*. Tích xưa kể rằng, Từ Thúc nguyên là tri huyện Tiên Du (Bắc Ninh), vào ngày hội hoa mẫu đơn tại ngôi chùa sở tại, chàng đã cỡi áo khoác để cầm cố để giải cứu cho người thiếu nữ chót đánh gãy cành hoa quý. Ít lâu sau, Từ Thúc treo ấn từ quan, ngày ngày ngao du sơn thủy. Một hôm, chàng chèo thuyền ngoài cửa bể Thần Phù, ghé vào bờ núi đề thơ rồi lạc đến một động tiên. Chàng được phu nhân tiên chủ gả con gái yêu là Giáng Hương cho để đền ơn cứu nường thuở nào. Sống ở Đào Nguyên, Từ Thúc không nguôi nỗi nhớ cố hương bèn xin trở về. Biết không giữ được lâu hơn, phu nhân ban cho vân hạc đưa chàng về trần, còn Giáng Hương trước lúc từ biệt thì đưa cho chàng một phong thư dặn tới nhà hãy đọc. Từ Thúc về quê xiết bao ngỡ ngàng vì cảnh cũ đã hoàn toàn thay đổi mà cảnh xưa cũng không còn. Chàng hỏi ra mới biết mình đã ra đi trên 60 năm. Quá lạc lõng, Từ Thúc định níu lấy cánh hạc để trở về tiên động nhưng cánh hạc đã bay vút trời cao. Chàng mở thư vợ ra xem mới hay tình duyên trần tiên đã đoạn, muốn tìm lại động xưa chẳng còn được nữa. Sau đó ít lâu, Từ Thúc đi vào núi Hoành Sơn không thấy quay trở lại.

Hình ảnh cây đào còn gắn với *cõi tiên*, *sự xa rời đời sống thế tục*:

*Sông có bích đào non nước dẫy
Cõi nhiều hồng hạnh ngày tháng trường.
Cách hoa dầu chẳng người tiên rước
Chớ sửa âu là hỷ ấy làng*

[Các tác giả thời Hồng Đức, 9, tr. 391]

Bích đào được đặt trong quan hệ tương đồng với *ngày tháng trường* (ngày tháng rất dài) và *người tiên*. Do đó, *bích đào* mang ý nghĩa biểu trưng chỉ chốn tiên giới, cõi thần tiên. Theo quan niệm của đạo tu tiên, một ngày ở cõi tiên dài bằng một năm ở hạ giới. Người trần lạc vào cõi tiên sống khoảng một năm, khi quay về hạ giới đã trải qua hàng chục đời rồi, không còn ai nhận ra được nữa. Bài thơ này dựa vào tích *Lưu Nguyễn gặp tiên*. Theo sách *Thần tiên ký*, Lưu Thần, Nguyễn Triệu đời Hán vào núi hái thuốc, lạc vào động tiên ở núi Thiên Thai, rồi ở lại cùng các tiên nữ. Ở đây nửa năm, hai ông nhớ nhà liền tìm đường trở về quê cũ. Sau lại nhớ tiên, họ lại tìm đường vào núi Thiên Thai nhưng không còn gặp được. Như vậy, các nhà Nho thi nhân khi viết về các môtip không tưởng, vượt thoát khỏi cõi trần qua trường **thực vật** thường thể hiện ước mơ về một hiện thực lí tưởng hơn. Theo Trần Nhơ Thìn, *sự chán ghét hiện thực đang sống đã đưa con người đến những mộng mơ về một thứ thế giới tốt đẹp hơn ở bên ngoài thế giới này: suối đào hoa, động Từ Thúc, thời Nghiêu Thuấn hay thế giới đại đồng* [8, tr. 29].

Trong đời sống Việt, *đào* được trồng để thưởng thức vẻ đẹp của hoa. Sắc đào hồng thắm thường đi vào thi ca như một hình ảnh ước lệ về nhan sắc của người phụ nữ:

*Má đào ghê kẻ mượn màu hồng
Đón yêu trăm vẻ nên giang bụng
Chác dẫu ngàn cân chữa xứng lòng
Quốc sĩ chẳng vì, vì quốc sắc
Hò trần lệ nữa đắp hoa cung.*

[Các tác giả thời Hồng Đức, 9, tr. 584]

Hình ảnh *má đào* trong ngữ cảnh này có sự tương đồng với *quốc sắc* (sắc đẹp nổi tiếng trong cả nước) và *hoa cung* (người phụ nữ đẹp chốn thâm cung). Từ đó, *má đào* còn mang giá trị biểu trưng thể hiện vẻ đẹp của người phụ nữ. Có thể nói rằng, trong thi ca trung đại, các nhà thơ thường lấy cái đẹp

của thiên nhiên làm chuẩn mực cho vẻ đẹp của con người.

Trong *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều, sức quyến rũ phi thường của đôi má đào người phụ nữ một lần nữa được ngợi ca:

*- Má đào không thuốc mà say
Nước kia muốn đổ thành này muốn long.*

*- Áng đào kiểm đâm bông não chúng
Khóe thu ba dợn sóng khuynh thành.*

Không gian tồn tại của loài cây này trong thơ Nôm thường gắn với hình ảnh *vườn*: *Vườn đào chứa thuở nguyên trắng bạc* [Các tác giả thời Hồng Đức, 9, tr. 625], *Nữ phụ vườn đào một chén son* [Các tác giả thời Hồng Đức, 9, tr. 628], *Từ cạn vườn đào chén tử sinh* [Các tác giả thời Hồng Đức, 9, tr. 629]. *Vườn đào* ở đây chính là nơi Lưu Bị, Trương Phi, Quan Vân Trường - các nhân vật trong *Tam quốc diễn nghĩa* - kết nghĩa anh em. Họ đã từng thề nguyện cùng phò giúp nhà Hán. Như vậy, vì lời thề diễn ra ở vườn đào mà từ đó, không gian vườn đào còn mang ý nghĩa của lời thề hẹn.

Khi đi vào thơ Nôm, *đào* là một loại cây mang nhiều giá trị biểu trưng phong phú. Vốn là một loài cây đẹp, mang những đóa hoa điểm lệt khoe sắc trong mùa Xuân, *đào* ẩn chứa vẻ thoát tục nên thường gắn với những chốn tiên cảnh, không chút bụi trần. Bên cạnh đó, loài cây này còn mang ý nghĩa về sự trôi chảy của thời gian, nhan sắc của người phụ nữ cũng như lời thề nguyện hẹn ước của những bậc quân tử đầy hoài vọng và giàu lí tưởng.

Chúng tôi nhận thấy rằng, *đào* và *mai* đều thuộc nhóm *cây lấy hoa* nhưng *mai* còn được xếp vào nhóm *cây cảnh* bởi dáng vẻ thanh thoát và cao khiết. Khi chuyển nghĩa, ở *đào*, *hoa* là bộ phận được chuyển nghĩa nhiều hơn, còn ở *mai*, *thân cây* lại là bộ phận có sự chuyển di ý nghĩa ưu trội hơn so với *hoa* của loài cây này. Như vậy, giữa ý nghĩa biểu trưng và giá trị bản thể của các loài thực

vật có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau.

(iii) *Cỏ*

Trên mặt đất này đâu đâu cũng hiện tồn sự sống của *cỏ*-loài cây nhỏ bé nhưng có sức sống bền bỉ lạ kì. Trong những áng thi ca Việt từ cổ chí kim, loài cây này đều xuất hiện, dù không chiếm một dung lượng ưu trội nhưng nó vẫn tạo nên những điểm nhấn hay làm nền cho một bức tranh tâm trạng của thi nhân muôn đời. Với thơ Nôm Đường luật, khi nói tới bức tranh về thảm thực vật vào mùa Xuân thì không thể thiếu sự hiện diện của loài thực vật này. Trước nhất, *cỏ* biểu trưng cho *một thế giới tự nhiên với những đặc tính khu biệt - rộng lớn, thanh tĩnh và có phần hoang sơ*. Các nhà Nho thi nhân đã có rất nhiều những vần thơ hay về *cỏ*: *Đất nhiều cỏ ngọc qua ưa biếc* [Các tác giả thời Hồng Đức, 9, tr. 397], *Đầu ngàn ếu ếu cỏ xanh om* [Các tác giả thời Hồng Đức, 9, tr. 450], *Muôn khóm cỏ hoa khoe thức tốt* [Trịnh Căn, 10, tr. 114], *Đầm hăm hoa thảo đượm hơi xuân* [Trịnh Cương, 10, tr. 136], *Hoa cỏ xuân dung chín khéo ưa* [Trịnh Cương, 10, tr. 159], *Cánh vẫy xuân thảo nhuần hoa tươi* [Trịnh Cương, 10, tr. 195],... Các thi nhân trung đại dường như thấy ở *cỏ* những thuộc tính vốn có của thiên nhiên với sự rộng lớn, trù phú, vô cùng trong không gian; sức sống mạnh mẽ, bền bỉ trong thời gian. Trong thơ Nôm, có những dạng thức miêu tả *cỏ* gần như đã thành ước lệ, khuôn mẫu: *cỏ ngọc, cỏ hoa, hoa thảo, hoa cỏ, xuân thảo*,... trong những không gian gần gũi, dung dị: *đất, đầu ngàn*,...

Trong thơ ca hiện đại, giá trị biểu trưng này cũng được thể hiện phong phú: *Lối cũ lơ thơ đường cỏ dại* (Xuân Diệu), *Cánh đồng bình yên ngọn ngọn cỏ non tơ* (Chế Lan Viên), *Gió xuân man mác thổi / Cỏ non rờn ngoài đê* (Huy Cận), *Nắng dát vàng trên bãi cỏ non xanh* (Đoàn Văn Cừ), *Nơi ban mai cỏ ướt sương rơi* (Lưu Quang Vũ),...

Không chỉ vậy, *cổ* đi vào thơ Nôm còn thể hiện tâm trạng, thái độ (u buồn, phê phán) của thi nhân trước những biến ảo của nhân tình, thế thái; những bi cảm về thế giới vô thường:

. *Đìa cỏ tươi nhưng lòng tiểu nhân*

[Nguyễn Trãi, 9, tr. 242]

. *Cả gió mới hay cây cỏ cứng*

[Các tác giả thời Hồng Đức, 9, tr. 607]

Thân phận người phụ nữ cũng là một giá trị biểu trưng đáng chú ý trong thơ Nôm Đường luật:

Cỏ hoa lòng thiếp hãy chiều xuân.

[Các tác giả thời Hồng Đức, 9, tr. 575]

Cổ là loài cây thân mềm yếu, nhỏ thấp, mọc sát mặt đất nên thường gọi ra sự nhỏ bé, yếu ớt, cần phải gượng nhẹ, chở che. *Hoa cỏ* lại là hình ảnh càng nhỏ nhoi, yếu đuối hơn; đó là một ẩn dụ về số phận của những người phụ nữ trong xã hội cũ. Họ phải chấp nhận cuộc sống phụ thuộc, không tự quyết định được số phận của mình. Hơn nữa, trong truyền thống văn hóa dân tộc, người Việt thường ưa những gì nhỏ xinh, mềm mại, kín đáo, bền bỉ mà *cổ* lại dễ gọi ra những đặc tính ấy. Do đó, người trung đại thường có tình cảm trĩu mến, âu yếm, nâng niu khi nói đến *cổ*.

4. Kết luận

Như vậy, vào mùa xuân, trường nghĩa bộ phận của thực vật mang những ý nghĩa biểu trưng rất phong phú, đa diện và đầy giá trị. Chỉ qua ba loài thực vật vào mùa xuân với những bộ phận tiêu biểu nhưng các bình diện của đời sống con người và xã hội được phóng chiếu đầy sức gọi. Trong những bình diện đó, phẩm chất của con người, đặc biệt là khí tiết của bậc quân tử và thân phận những người phụ nữ hồng nhan bạc mệnh chiếm tần số ưu trội hơn cả.

Qua việc tìm hiểu trường nghĩa *bộ phận của thực vật* vào mùa xuân, bài viết một mặt hướng tới việc mô tả trường nghĩa *bộ phận*

của thực vật, mặt khác nhằm chỉ ra giá trị biểu trưng của trường nghĩa này trong *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam*. Từ đó, bước đầu thấy được sự phong nhiêu của thế giới thực vật được phản chiếu trong thơ Nôm, và giúp chúng ta tiệm cận hơn với thế giới thơ trung đại vốn được xem là đầy quy phạm và ước lệ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Kim Anh (1999), *Sự biểu đạt bằng ngôn ngữ các tín hiệu thẩm mỹ có nguồn gốc từ thực vật trong Thơ Mới*, Luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (2005), *Đỗ Hữu Châu tuyển tập*, tập 1 (Từ vựng - ngữ nghĩa), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Phạm Đức Dương (2002), *Từ văn hóa đến văn hóa học*, Viện Văn hóa và Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
4. Phan Ngọc (1994), *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
5. Hoàng Phê (Chủ biên) (2010), *Từ điển tiếng Việt 2010*, Nxb Đà Nẵng, Hà Nội.
6. Trần Đình Sử (1999), *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Trần Ngọc Thêm, *Vai trò của tính cách dân tộc trong tiến trình phát triển ở Hàn Quốc (có so sánh với Việt Nam)*, nguồn: <http://www.vanhoahoc.edu.vn>.
8. Trần Nho Thìn (2008), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Viện nghiên cứu Hán Nôm (2008), *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam*, Tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Viện nghiên cứu Hán Nôm (2008), *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam*, Tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-01-2014)